

Bản án số: 139/2024/LĐ-ST

Ngày: 23 - 8 - 2024

V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Bình An

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Đồi – Cán bộ hưu trí thị trấn Hậu Nghĩa
- Bà Nguyễn Thị Rạt – Nguyên Phó Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Đức Hòa.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huỳnh Như -Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 122/2024/TLST - LĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2024/QĐXXST - LĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2024/QĐST-LĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa:

*Nguyên đơn:* Ông Chau Kim S, sinh năm 1983. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Công ty TNHH P. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số E, Cụm C, ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Phương T – Giám đốc.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Yat C, sinh năm 1984. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

2/ Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Long An.

Trụ sở: số 08 T tránh, phường D, Thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S1 - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thành L - Phó Giám đốc (xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 5 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Chau Kim S trình bày:*

Từ năm 2010 đến năm 2021, ông Chau Kim S đi làm tại công ty TNHH M và tham gia bảo hiểm với số bảo hiểm: 7516142078.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ ông Yat C là người có quốc tịch Campuchia đang sinh sống tại Việt Nam có thể đi làm tạo thu nhập, nên ông Chau Kim S cho ông Yat C mượn Chứng minh nhân dân để ông Yat C đi làm tại Công ty TNHH P trong khoảng thời gian tháng 03/2012 đến tháng 01/2014. Khi ông Yat C mang tên ông là Chau Kim S làm việc tại Công ty TNHH P thì ông Yat C cũng tham gia bảo hiểm với số số bảo hiểm mang tên ông Chau Kim S là: 8012007034.

Việc ông Chau Kim S cho ông Yat C mượn Chứng minh nhân dân để ông Yat C ký và thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH P với tên Chau Kim S là không đúng quy định pháp luật. Hiện nay tồn tại hai số số bảo hiểm là 7516142078 và 8012007034 cùng mang tên Chau Kim S nên ông không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được.

Do đó ông Chau Kim S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa ông Chau Kim S (do ông Yat C làm việc) với Công ty TNHH P trong khoảng thời gian từ tháng 03/2012 đến tháng 01/2014, hủy sổ bảo hiểm xã hội số 8012007034 mang tên Chau Kim S.

*Bị đơn Công ty TNHH P không có ý kiến, văn bản phản hồi liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Yat C có văn bản trình bày:* Vào năm 2012, do là người có quốc tịch Campuchia nên ông có mượn giấy chứng minh nhân dân của ông Chau Kim S để vào làm việc tại Công ty TNHH P từ tháng 03/2012 đến tháng 01/2014 và tham gia bảo hiểm xã hội với số số 8012007034 (sổ này chưa hưởng chế độ). Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Chau Kim S về việc vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa ông Chau Kim S (do ông Yat C làm việc) với Công ty TNHH P trong khoảng thời gian từ tháng 03/2012 đến tháng 01/2014 và đồng ý hủy sổ bảo hiểm xã hội số 8012007034 mang tên Chau Kim S.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L có văn bản trình bày:* Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH P có tham gia bảo hiểm cho ông Chau Kim S từ tháng 03/2012 đến tháng 01/2014 với số số bảo hiểm 8012007034; qua tra cứu, đến ngày 24/6/2024, ông Chau Kim S chưa hưởng trợ

cấp BHXH một lần và chưa hưởng bảo hiểm thất nghiệp. BHXH tỉnh L đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chau Kim S về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa ông Chau Kim S (do Yat C thực hiện) với Công ty TNHH P từ tháng 03/2012 đến tháng 01/2014; hủy sổ bảo hiểm số 8012007034. Bởi vì thực tế ông Chau Kim S không phải là người lao động mà ông Yat C mới là người lao động tại Công ty TNHH P từ tháng 03/2012 đến tháng 01/2014 và ông Yat C là người có quốc tịch Campuchia, không có đủ điều kiện về đối tượng đóng BHXH bắt buộc là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của ông Chau Kim S nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thấy rằng, mặc dù ông Yat C là người có quốc tịch Campuchia nhưng ông Yat C thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH P tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, tại thời điểm thực hiện hợp đồng lao động, thời điểm nộp đơn khởi kiện và hiện nay ông Yat C vẫn đang sinh sống tại Việt Nam; do đó vụ án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty TNHH P có trụ sở tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Ông Chau Kim S người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH P là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Ông Yat C và BHXH tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: Ông Chau Kim S khởi kiện Công ty TNHH P vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng lao động bị vô hiệu là còn trong thời

hiệu khởi kiện. Ông Chau Kim S có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, ông Chau Kim S, ông Yat C, BHXH tỉnh L có đề nghị được vắng mặt; Công ty TNHH P vắng mặt đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[1.4] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng : Chứng cứ ông Chau Kim S có nộp sổ BHXH số 7516142078 và sổ BHXH số 7516142078.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật Lao động 2019 và Bộ luật Tố tụng 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu. Các đương sự thừa nhận đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét thấy, ông Chau Kim S có cho ông Yat C mượn chứng minh nhân dân mang tên Chau Kim S để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 03/2012 đến tháng 01/2014 tại Công ty TNHH P theo sổ BHXH số 8012007034. Trong khi đó, từ năm 2010 đến tháng 2021 ông Chau Kim S cũng tham gia lao động tại công ty TNHH M và tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo số sổ là 7516142078. Việc ông Chau Kim S cho ông Yat C mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm tại Công ty TNHH P là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Do đó, ông Chau Kim S yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng lao động giữa ông Chau Kim S (do Yat C thực hiện) tại Công ty TNHH P từ tháng 03/2012 đến tháng 01/2014 là có căn cứ, phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động. Bởi vì người lao động thực sự trong giai đoạn này tại Công ty TNHH P là ông Yat C không phải là ông Chau Kim S.

[2.2]. Về hậu quả pháp lý khi vô hiệu hợp đồng lao động:

Thấy rằng, khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 quy định “*Người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là công dân Việt Nam.*”; khoản 2 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định: “*Người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động hoặc*

*chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Chính phủ.”*

Ông Yat C là người có quốc tịch Campuchia làm việc tại Việt Nam nhưng đối chiếu với quy định pháp luật liên quan tại Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 và Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 nêu trên, ông Yat C đều không đủ điều kiện thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc .

Do đó, không thể điều chỉnh tên trên sổ BHXH số 8012007034 từ tên Chau Kim S sang Yat C mà cần hủy sổ BHXH số 8012007034 mang tên Chau Kim S.

[3]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp nên HĐXX ghi nhận

[4]. Ông Yat C, Công ty TNHH P, BHXH tỉnh L không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Chau Kim S tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho Công ty TNHH P nên Công ty TNHH P không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 21 và Điều 49 Bộ luật lao động;

Căn cứ Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội 2006; Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chau Kim S về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động*” với Công ty TNHH P.

1.1. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa ông Yat C (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là ông Chau Kim S) với Công ty TNHH P trong thời gian từ tháng 03/2012 đến 01/2014.

1.2. Hủy sổ BHXH số 8012007034 cấp cho ông Chau Kim S do Công ty TNHH P nộp từ tháng 03/2012 đến 01/2014 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L.

1.3. Ông Chau Kim S được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động đã xác lập giữa ông Chau Kim S với công ty TNHH M .

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Chau Kim S tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004624 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Ông Chau Kim S không phải nộp thêm.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Bình An**









